

QUY CHẾ

**Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân,
các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu
Hội đồng nhân dân xã Trà Giang khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 18/8/2025
của Hội đồng nhân dân xã Trà Giang)*

**Chương I:
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này cụ thể hóa một số nội dung về nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động và mối quan hệ công tác của Hội đồng nhân dân xã Trà Giang khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026 để thực hiện tốt Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi 16/6/2025, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 và các văn bản quy định khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 và Quy chế này.

2. Đối tượng áp dụng

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Văn phòng HĐND và UBND xã, các tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với HĐND xã chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng nhân dân xã

Hội đồng nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân là cơ quan tham mưu giúp Hội đồng nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế - ngân sách, văn hoá- xã hội, pháp chế, thực hiện cơ chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và quyết định theo đa số.

**Chương II
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

Điều 4. Cơ cấu tổ chức:

1. Hội đồng nhân dân gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng

và quyền làm chủ của Nhân dân, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở địa phương; chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.

3. Hội đồng nhân dân cấp xã thành lập Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội. Ban của Hội đồng nhân dân gồm có Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các Ủy viên;

Điều 5. Nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân

Nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân được quy định tại Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025, cụ thể gồm các quy định sau:

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa bàn;

b) Quyết định chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;

d) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ chỉ tiêu được chính quyền địa phương cấp tỉnh giao, quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn;

c) Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp mình;

d) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn theo quy định của pháp luật; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của chính quyền địa phương cấp tỉnh;

đ) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp;

g) Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

3. Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã:

a) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của cấp mình, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, các quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng, giao thông trên địa bàn bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch của chính quyền địa phương cấp tỉnh và quy hoạch chung của cấp mình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách cấp mình trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp mình và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đầu tư công; quyết định biện pháp huy động sự đóng góp của Nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, công trình công cộng, phúc lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định biện pháp thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã;

đ) Quyết định chương trình, biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

a) Quyết định biện pháp, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn;

b) Quyết định biện pháp xây dựng chính quyền địa phương số, kinh tế số, xã hội số ở địa bàn; biện pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương cấp mình và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng và giao thông:

a) Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp mình trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, rừng, bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật; biện pháp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn;

c) Quyết định biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng, giao thông; biện pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

6. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao:

a) Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, tín đồ tôn giáo trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

8. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan khác ở địa phương.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Chương III **THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

Điều 6. Cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã

1. Cơ cấu tổ chức:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi ngày 16/6/2025, các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân giao và quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách. Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân xã là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách. Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân:

Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân được quy định tại Điều 31 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025, cụ thể gồm các nhiệm vụ sau:

2.1. Thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân cùng cấp giao.

2.2. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân; phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

2.3. Đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân và các cơ quan khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

2.4. Giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

2.5. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân; xem xét kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân.

2.6. Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, giám sát và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, đề xuất, kiến nghị của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

2.7. Quyết định số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình. Phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình trong số đại biểu Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân.

2.8. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức theo nguyện vọng đối với người được Hội đồng nhân dân cấp xã bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ, cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp do chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật này.

2.9. Thành lập Tổ đại biểu, xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của Tổ đại biểu, phân công Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; quyết định việc chuyển sinh hoạt tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân của đại biểu Hội đồng nhân dân.

2.10. Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

2.11. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân cùng cấp đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp trên;

2.12. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp; mỗi năm 02 lần thông báo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về hoạt động của Hội đồng nhân dân.

2.13. Ban hành nghị quyết và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

2.14. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, Thường trực Hội đồng nhân dân được quyết định các nội dung sau đây và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất:

a) Biện pháp giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;

b) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân:
Được quy định tại Điều 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.

3.1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng nhân dân, bảo đảm thi hành các quy định về hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, các quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân;

b) Lãnh đạo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân; chỉ đạo việc chuẩn bị dự kiến chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân;

c) Thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp, các tổ chức xã hội khác và Nhân dân;

d) Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã trong các trường hợp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3.2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

3.3. Các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

3.4. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp phân công Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới.

Trường hợp khuyết cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chỉ định người điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân trong số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã bị xử lý kỷ luật và thuộc trường hợp phải đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giao Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cho đến khi bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân mới. Trường hợp cả Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cũng bị xử lý kỷ luật thì thực hiện chỉ định người điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân trong số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3.5. Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân thì Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân quy định tại điểm 3.4 mục 3 Điều này ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

CHƯƠNG IV

CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 7. Cơ cấu, tổ chức của các Ban Hội đồng nhân dân xã

Hội đồng nhân dân xã thành lập 2 Ban: Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban văn hoá – xã hội. Số lượng thành viên của mỗi Ban là 05 người gồm: 01 Trưởng ban kiêm nhiệm, 01 Phó trưởng ban chuyên trách. Các thành viên khác hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân xã.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn các Ban của Hội đồng nhân dân xã

- Tham gia chuẩn bị các văn bản của Ban trình các kỳ họp Hội đồng nhân dân xã;
- Thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết do Hội đồng nhân dân xã hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công;
- Giúp Hội đồng nhân dân xã giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân xã;
- Giúp Hội đồng nhân dân xã giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và công dân trên địa bàn trong việc thực hành Hiến pháp, Pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.
- Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực hoạt động của Ban; Kiến nghị với Hội đồng nhân dân xã về những vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Ban;
- Phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi cơ quan này về công tác tại xã;
- Báo cáo kết quả giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó trưởng 02 Ban Hội đồng nhân dân xã

1. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành công việc của Ban, thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành; chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp Ban, chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban; giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban khác của Hội đồng nhân dân xã; báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân xã; tham dự các cuộc họp do Thường trực Hội đồng nhân dân xã triệu tập; tổ chức việc giám sát, khảo sát của Ban; trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

2. Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm giúp Trưởng Ban thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban; điều hành công việc của Ban khi Trưởng ban vắng mặt; ký các văn bản của Ban và tổ chức các hoạt động của Ban khi được Trưởng ban phân công.

Chương V

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân; trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng thì Thường trực Hội đồng nhân dân phải báo cáo Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức hữu quan; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện tiếp công dân; tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền đề xuất sáng kiến xây dựng chính sách ở địa phương; quyền kiến nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu, tổ chức phiên họp chuyên đề, phiên họp kín hoặc phiên họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật tổ chức Chính quyền địa phương sửa đổi ngày 16/6/2025. Người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách những người ứng cử.

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân.

8. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

9. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

10. Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân nếu không có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân hoặc của Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị tạm giữ vì

phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 11: Kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới được tổ chức chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

2. Hội đồng nhân dân họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ. Hội đồng nhân dân quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Hội đồng nhân dân họp kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

4. Cử tri ở cấp xã có quyền làm đơn yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp xã họp, bàn và quyết định những công việc của cấp xã. Khi trong đơn yêu cầu có chữ ký của trên 10% tổng số cử tri của cấp xã thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất để bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị. Đơn yêu cầu của cử tri được xem là hợp lệ khi có kèm theo đầy đủ chữ ký, họ tên, ngày, tháng, năm sinh và địa chỉ của từng người ký tên. Những người ký tên trong đơn yêu cầu được cử một người làm đại diện tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị.

5. Hội đồng nhân dân họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng nhân dân quyết định họp kín.

6. Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp; kỳ họp chuyên đề chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

7. Chuẩn bị kỳ họp

a) Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với UBND xã chỉ đạo công tác chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật, gồm các nội dung sau:

- Tổ chức Hội nghị liên tịch với Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã để thống nhất dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp; báo cáo xin ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy.

- Phân công các cơ quan, đơn vị, tổ chức chuẩn bị các báo cáo, tờ trình, đề án trình tại kỳ họp. Phân công kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan gửi tài liệu trình tại kỳ họp; các Ban của Hội đồng nhân dân xã thẩm tra báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp.

- Phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã để các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri trước kỳ họp; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

- Tổng hợp ý kiến chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã; chuyển đến và yêu cầu người có trách nhiệm trả lời chất vấn; đôn đốc báo cáo kết quả thực hiện lời hứa, lời cam kết của người trả lời chất vấn;

- Chỉ đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tham mưu, chuẩn bị các điều kiện phục vụ kỳ họp theo quy định.

b) Các Ban của Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm:

- Báo cáo công tác 06 tháng, một năm trình tại kỳ họp theo chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; đề xuất Thường trực Hội đồng nhân dân xã các nội dung cần trình kỳ họp thường kỳ hoặc kỳ họp chuyên đề; chuẩn bị các văn bản, tài liệu thuộc lĩnh vực phụ trách và được phân công phục vụ kỳ họp;

- Tổ chức thẩm tra các báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã;

- Đề xuất nội dung chất vấn của các thành viên Ban, chuyển đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp; phân công thành viên Ban theo dõi, giám sát việc trả lời chất vấn tại kỳ họp thuộc lĩnh vực phụ trách, kịp thời có ý kiến yêu cầu người trả lời chất vấn làm rõ những nội dung chất vấn khi cần thiết.

c) Các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm

- Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã tổ chức cho các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp xúc cử tri và báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri về Thường trực Hội đồng nhân dân xã theo quy định;

- Đóng góp đối với dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp; tổng hợp đề xuất nội dung chất vấn tại kỳ họp.

d) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm:

- Tích cực nghiên cứu và tham gia ý kiến vào dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp, đề xuất đưa vào chương trình kỳ họp các nội dung cấp bách, bức xúc tại địa phương, đơn vị (nếu có);

- Tiếp xúc cử tri để thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri về những vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp và ý kiến, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân xã và cơ quan nhà nước các cấp;

- Tham dự các kỳ họp, phiên họp đầy đủ. Chủ động nghiên cứu tài liệu phục vụ kỳ họp, tích cực chuẩn bị các nội dung để tham gia thảo luận tại kỳ họp và gửi

Thường trực Hội đồng nhân dân xã các nội dung chất vấn đề chuyển đến người được chất vấn.

8. Tổ chức, điều hành kỳ họp

Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã chủ tọa kỳ họp; Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã phân công Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã điều hành các phần việc theo nội dung, chương trình kỳ họp được Hội đồng nhân dân xã thông qua, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ kỳ họp.

9. Các hoạt động tại kỳ họp:

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện các nội dung sau:

a) Xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền, nhằm bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Xem xét, thảo luận các báo cáo quy định tại Điều 59 Luật Giám sát năm 2015 và các báo cáo khác theo quy định;

c) Thực hiện chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn theo quy định tại Điều 60 Luật Giám sát năm 2015. Thời gian chất vấn và trả lời chất vấn đối với người được chất vấn do Chủ tọa phiên họp quyết định.

d) Lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ quy định tại Điều 63 Luật Giám sát năm 2015.

đ) Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu trong các trường hợp quy định tại Điều 64 Luật Giám sát năm 2015.

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ thuộc thẩm quyền của HĐND xã và cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

f) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hoạt động sau kỳ họp

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND, các Ban Hội đồng nhân dân xã phối hợp với các đơn vị trình, hoàn chỉnh các dự thảo nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân xã thông qua, trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã (Chủ tọa kỳ họp) ký chứng thực trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ họp; ban hành văn bản đơn đốc người trả lời chất vấn tại kỳ họp thực hiện các giải pháp, lời hứa nêu trong nội dung trả lời chất vấn và phân công các Ban của Hội đồng nhân dân giám sát, theo dõi, đơn đốc việc thực hiện các nội dung trả lời chất vấn thuộc lĩnh vực phụ trách.

2. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức để thực hiện và đưa tin trên các hệ thống đài truyền thanh xã, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

3. Chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Tổ trưởng các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm chủ động phối hợp với thôn tổ chức báo cáo kết quả kỳ họp, phổ biến các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, vận động cử tri và nhân dân thực hiện các Nghị quyết đó.

4. Chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày bế mạc kỳ họp, các Nghị quyết, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân xã phải được gửi lên thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo.

Điều 13. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã là một trong các hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Tại phiên họp, Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận và quyết định các nội dung sau:

a) Những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã được quy định tại Điều 31 Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi ngày 16/6/2025 và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân xã mà Hội đồng nhân dân xã giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân xã giải quyết giữa 02 kỳ họp thì phải được các Ban của Hội đồng nhân dân xã thẩm tra theo quy định;

c) Những vấn đề phát sinh giữa 02 kỳ họp theo quy định của pháp luật hoặc cơ quan Nhà nước cấp trên giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã họp thường kỳ mỗi quý một lần vào tuần đầu của tháng cuối quý. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân xã có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã tham dự.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã quyết định thời gian, nội dung, chương trình phiên họp, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã; nếu Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã được Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã ủy quyền chủ tọa phiên họp.

4. Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, trường hợp vắng mặt phải báo cáo và được Chủ tọa phiên họp chấp thuận.

5. Đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã, tùy theo nội dung, tính chất phiên họp.

6. Đại diện các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, Phó trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân xã, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, các ban ngành, có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã khi bàn về vấn đề có liên quan.

7. Thường trực Hội đồng nhân dân xã quy định chi tiết việc chuẩn bị, thẩm định, thẩm tra, trình và thảo luận, quyết định các nội dung tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

CHƯƠNG VII HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 14. Hoạt động thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân xã

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công các Ban thẩm tra, báo cáo kết quả thẩm tra tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân xã và phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

2. Chuẩn bị cho việc thẩm tra

a) Tờ trình, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã phải được thẩm tra và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, chậm nhất là 02 ngày trước phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

b) Các Ban của Hội đồng nhân dân xã cử thành viên tham gia nghiên cứu dự thảo nghị quyết, tờ trình, báo cáo, đề án (khi cần thiết có thể yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan liên quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề mà Ban thẩm tra; tổ chức lấy ý kiến của những người có chuyên môn nghiệp vụ về vấn đề đó); khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết, tờ trình, báo cáo, đề án mà Ban thẩm tra.

3. Tiến hành thẩm tra, lập báo cáo kết quả thẩm tra: Báo cáo thẩm tra phải thực sự ngắn gọn, cần đánh giá về sự phù hợp của dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của xã; nêu rõ quan điểm và đề xuất phương án xử lý đối với những nội dung còn có ý kiến khác nhau.

Điều 15. Hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1) Tổ chức giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân xã, địa bàn xã và các vấn đề do Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công.

2) Trước kỳ họp Hội đồng nhân dân xã:

- Tổ chức cho đại biểu tiếp xúc cử tri, thu thập và tổng hợp các ý kiến và nguyện vọng của cử tri gửi về Thường trực Hội đồng nhân dân xã theo quy định; nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp;

- Tổng hợp các ý kiến chất vấn của các đại biểu Hội đồng nhân dân thuộc Tổ và đề xuất các vấn đề chất vấn với Thường trực Hội đồng nhân dân xã; phân công các đại biểu phát biểu thảo luận tại kỳ họp.

3) Sau kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, Tổ trưởng Tổ đại biểu chủ động liên hệ, phối hợp với Ban cán sự thôn tổ chức báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp và tuyên truyền, giải thích, vận động cử tri và nhân dân thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

4) Gửi báo cáo công tác và Biên bản họp Tổ theo quy định hoặc theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

5) Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã; các ban ngành có liên quan và công dân để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ và của đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong Tổ;

6) Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã, ban cán sự các thôn tổ chức tiếp xúc cử tri, tổ chức tiếp dân theo quy định và tổng hợp báo cáo kết quả về Thường trực Hội đồng nhân dân xã;

7) Phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ giám sát trên địa bàn.

Điều 16. Giám sát của Hội đồng nhân dân xã

1. HĐND xã thực hiện quyền giám sát của mình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, giám sát chuyên đề và các hoạt động giám sát thường xuyên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

2. Hội đồng nhân dân xã thực hiện quyền giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

a) Xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 59 của Luật Giám sát năm 2015.

b) Xem xét trả lời chất vấn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân xã, trưởng các ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân xã tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

c) Xem xét các quyết định của Ủy ban nhân dân xã, có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Trình tự xem xét, thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật Giám sát năm 2015.

d) Giám sát chuyên đề.

đ) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu, phê chuẩn.

3. Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã

a) Thường trực Hội đồng nhân dân xã dự kiến Chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân xã trên cơ sở đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và kiến nghị của cử tri trong xã, trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước.

Văn phòng Hội đồng nhân dân xã có nhiệm vụ giúp Thường trực Hội đồng nhân dân xã tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Chậm nhất là 15 ngày làm việc, trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã thảo luận và lập dự kiến Chương trình giám sát

của Hội đồng nhân dân năm sau để trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân xã ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã, trừ trường hợp quy định tại Điều 62 của Luật Giám sát năm 2015.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân xã báo cáo kết quả thực hiện Chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 17. Giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân xã

1. Các hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân xã

a) Xem xét các quyết định của Ủy ban nhân dân xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã theo Điều 68 Luật Giám sát năm 2015.

b) Chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân xã đối với những người được chất vấn quy định tại Điều 69 Luật Giám sát năm 2015.

c) Giám sát chuyên đề theo quy định tại Điều 70 Luật Giám sát năm 2015.

d) Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã theo Điều 72 Luật Giám sát năm 2015.

đ) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

e) Giám sát việc giải quyết các kiến nghị của cử tri.

2. Chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân xã

a) Căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân và ý kiến của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã, đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã và tình hình thực tế trong xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định chương trình giám sát hằng năm của mình.

Chậm nhất là 10 ngày làm việc, trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân xã, Văn phòng HĐND và UBND tổng hợp đề nghị của các Ban Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã; tham mưu chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

b) Chương trình giám sát hằng năm được Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định chậm nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân xã.

c) Căn cứ vào chương trình giám sát đã được thông qua, Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã thực hiện các nội dung trong chương trình; giao các Ban của Hội đồng nhân dân xã thực hiện một số nội dung thuộc chương trình và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Trường hợp cần thiết, có thể điều chỉnh chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

d) Thường trực Hội đồng nhân dân xã báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát năm vào kỳ họp Hội đồng nhân dân xã giữa năm sau của Hội đồng nhân dân xã.

3. Xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát

a) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm xem xét báo cáo kết quả giám sát.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

c) Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân xã đề nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

Điều 18. Giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân xã

1. Các hoạt động giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân xã

a) Thẩm tra các báo cáo do Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công theo quy định tại Điều 78 Luật Giám sát năm 2015.

b) Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân xã theo quy định tại Điều 79 Luật Giám sát năm 2015.

c) Giám sát chuyên đề theo quy định tại Điều 80 Luật Giám sát năm 2015.

d) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định tại Điều 82, Luật Giám sát năm 2015.

2. Chương trình giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân xã

a) Các Ban của Hội đồng nhân dân xã căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã và ý kiến các thành viên của Ban mình để xây dựng chương trình giám sát hằng năm của Ban.

b) Chương trình giám sát hằng năm của Ban của Hội đồng nhân dân xã được Ban xem xét, quyết định vào cuối năm trước. Trưởng Ban Hội đồng nhân dân tổ chức thực hiện chương trình giám sát; trường hợp cần thiết, có thể điều chỉnh chương trình giám sát của Ban.

3. Xem xét báo cáo của Đoàn giám sát

a) Căn cứ vào tính chất, nội dung của vấn đề được giám sát, Ban Hội đồng nhân dân xã tổ chức phiên họp Ban để xem xét, thảo luận về báo cáo của Đoàn giám sát.

b) Báo cáo kết quả giám sát của Ban Hội đồng nhân dân xã phải nêu rõ kiến nghị về các biện pháp cần thiết.

c) Báo cáo kết quả giám sát của Ban Hội đồng nhân dân xã gửi đến Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã và ban ngành, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

d) Ban của Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Điều 19. Giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

a) Chất vấn những người có thẩm quyền theo quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 5 và quy định tại Điều 84 Luật Giám sát năm 2015.

b) Giám sát quyết định của Ủy ban nhân xã theo quy định tại Điều 85 Luật Giám sát năm 2015.

c) Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương theo quy định tại Điều 86 Luật Giám sát năm 2015.

d) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định tại Điều 87 Luật Giám sát năm 2015.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã theo quy định của pháp luật và giám sát các vấn đề do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công; tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện hoạt động giám sát.

Điều 20. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các ban Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát của Thường trực hoặc các Ban của Hội đồng nhân dân xã giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan có trách nhiệm tại địa phương.

2. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật. Trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó trực tiếp xem xét, giải quyết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri của cơ quan có thẩm quyền; chỉ đạo xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri, trình Hội đồng nhân dân xã.

Điều 22. Tiếp xúc cử tri

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân xã sáu tháng, một năm; gửi đến Ủy ban nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và thông báo cho ban cán sự các thôn nơi tiếp xúc cử tri để thực hiện.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân xã theo Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Tại hội nghị tiếp xúc cử tri, đại biểu Hội đồng nhân dân xã báo cáo với cử tri:

a) Dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp (đối với hội nghị tiếp xúc cử tri trước kỳ họp);

b) Tình hình, kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri;

c) Tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương.

4. Nội dung, trình tự hội nghị tiếp xúc cử tri thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 23. Tiếp xúc cử tri tại đơn vị công tác, nơi cư trú, tiếp xúc cử tri theo chuyên đề

1. Giữa hai kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân xã chủ động bố trí thời gian tiếp xúc cử tri, lắng nghe, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri và nhân dân nơi cư trú, nơi làm việc. Khi cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp với Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã bố trí cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp xúc cử tri theo chuyên đề.

2. Kết quả tiếp xúc cử tri nơi cư trú, nơi công tác, tiếp xúc cử tri theo chuyên đề của đại biểu Hội đồng nhân dân xã được tổng hợp, báo cáo về Thường trực Hội đồng nhân dân xã và gửi đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Tiếp công dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, lãnh đạo các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tham gia các buổi tiếp công dân của Ủy ban nhân dân xã, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã tổ chức tiếp công dân tại Trụ sở tiếp dân của xã theo quy định.

2. Văn phòng xã tham mưu, giúp Thường trực Hội đồng nhân dân xã, lãnh đạo các Ban Hội đồng nhân dân xã, các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân theo quy định.

3. Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã chủ động tiếp công dân tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân; tích cực giải thích, tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hướng dẫn, giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo để chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Trong trường hợp thấy việc giải quyết không thỏa đáng, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền gặp người đứng đầu cơ quan, tổ chức để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại.

CHƯƠNG VIII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 25. Mối quan hệ của Thường trực Hội đồng nhân dân với các Ban của Hội đồng nhân dân xã

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã chỉ đạo hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân thông qua các việc sau:

a) Phân công các Ban của Hội đồng nhân dân xã thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, tờ trình, đề án liên quan đến lĩnh vực phụ trách, trình kỳ họp Hội đồng nhân dân;

b) Xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung giám sát; về chương trình, kế hoạch và báo cáo công tác sáu tháng, cả năm của các Ban Hội đồng nhân dân xã;

c) Phân công các Ban Hội đồng nhân dân thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân xã;

d) Yêu cầu các ban Hội đồng nhân dân xã điều chỉnh kế hoạch giám sát của mình, để bảo đảm hoạt động giám sát không bị trùng lặp, chồng chéo.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã thực hiện việc chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban Hội đồng nhân dân xã thông qua các hoạt động sau:

a) Tổ chức giao ban định kỳ hàng quý với lãnh đạo các Ban để chỉ đạo, phối hợp hoạt động, đánh giá về tình hình và kết quả hoạt động của các Ban Hội đồng nhân dân xã; có thể tổ chức cuộc họp đột xuất khi cần thiết.

b) Tổng hợp kết quả giám sát trình Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã;

c) Xem xét kết quả giám sát của Ban khi thấy cần thiết.

3. Đôn đốc các Ban Hội đồng nhân dân xã thực hiện chương trình hoạt động.

4. Tham dự các cuộc họp của các Ban Hội đồng nhân dân xã khi thấy cần thiết.

Điều 26. Mọi quan hệ của Thường trực Hội đồng nhân dân xã với đại biểu, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Đôn đốc các Tổ đại biểu tổ chức tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri và thực hiện các nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

2. Tiếp nhận và tổng hợp các kiến nghị, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã chuyển đến UBND xã, ban ngành chuyên môn thuộc UBND xã, các tổ chức hoặc cá nhân có liên quan để yêu cầu trả lời hoặc xem xét giải quyết theo thẩm quyền; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết các kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

3. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân xã; tạo điều kiện để đại biểu Hội đồng nhân dân xã được học tập, nghiên cứu, quán triệt các chủ trương, chính sách, của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tạo điều kiện để đại biểu Hội đồng nhân dân xã học tập, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng hoạt động, nghiệp vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 27. Mọi quan hệ của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã với Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy

Mọi quan hệ của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã với Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy thực hiện theo Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ xã.

Điều 28. Mọi quan hệ giữa Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã với Ủy ban nhân dân xã

1. Thường trực phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các ban ngành chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã trong việc chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp, chuẩn bị các báo cáo, tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã hoặc cuộc họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân dự các cuộc họp của Ủy ban nhân dân xã. Thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân xã và các ban ngành chuyên môn của Ủy ban nhân dân xã trong việc thực hiện nghị quyết Hội đồng nhân dân xã. Thường trực Hội đồng nhân dân xã tổ chức các buổi chất vấn theo chuyên đề đối với Ủy ban nhân dân xã và các ban ngành chuyên môn của UBND xã tại cuộc họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã; giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp, theo dõi việc tổ chức triển khai và thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 29. Mọi quan hệ giữa Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức Chính trị - xã hội

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã xây dựng và thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG, CHẾ ĐỘ HỌP VÀ THÔNG TIN BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 30. Các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân xã

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân xã do ngân sách xã đảm bảo.
2. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã hoạt động chuyên trách được bố trí nơi làm việc, được trả lương, phụ cấp và hưởng các chế độ, chính sách hỗ trợ cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Các đại biểu được hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động của đại biểu theo quy định và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 31. Chế độ hội họp và thông tin báo cáo

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã

a) Thường trực Hội đồng nhân dân xã họp thường kỳ mỗi quý một lần. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân xã có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân xã xây dựng chương trình công tác và báo cáo kết quả công tác hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, hàng năm gửi thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã

a) Các Ban của Hội đồng nhân dân xã họp định kỳ mỗi quý một lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban, bàn công tác quý sau và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban; trong trường hợp cần thiết, Ban có thể họp đột xuất.

b) Tham gia các cuộc họp, hội nghị theo chỉ đạo, phân công của Thường trực HĐND xã.

c) Các Ban của Hội đồng nhân dân xã xây dựng báo cáo và chương trình công tác hàng quý, 6 tháng và cả năm báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã theo quy định (Báo cáo quý gửi trước ngày 25 tháng cuối quý, Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 25/6 hàng năm, Báo cáo năm gửi trước ngày 25/11 hàng năm).

3. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã

a) Các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã họp định kỳ hàng quý, trước mỗi kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã và họp cuối năm. Cuộc họp tổng kết năm, Tổ trưởng

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã đánh giá kết quả công tác trong năm của Tổ và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong Tổ gửi về Thường trực Hội đồng nhân dân xã để xem xét đánh giá thi đua.

b) Báo cáo kết quả công tác theo nội dung quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 5 Quy chế này (báo cáo quý gửi trước ngày 25 tháng cuối quý; báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 25/6 hàng năm, báo cáo năm gửi trước ngày 25/11 hàng năm).

Chương X

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Trách nhiệm, tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Văn phòng HĐND và UBND xã, các đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 33. Điều khoản thi hành

1. Khi văn bản mới liên quan đến tổ chức, hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã; Hội đồng nhân dân xã giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã căn cứ vào sự thay đổi và tình hình thực tiễn, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được thông qua tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã./.